

Tháng 9 2025				
Thứ hai	Thứ ba	Thứ Tư	Thứ năm	Thứ sáu
1	2	3	4	5
8 (L)	9	10	11	12
15	16	17	18	19
22 (L)	23	24	25	26
29 (L)	30			

Tháng Mười 2025				
Thứ hai	Thứ ba	Thứ Tư	Thứ năm	Thứ sáu
		1	2	3
6 (L)	7	8	9	10
13	14	15	16	17
20 (L)	21	22	23	24
27 (L)	28	29	30	31

Tháng mười một 2025				
Thứ hai	Thứ ba	Thứ Tư	Thứ năm	Thứ sáu
3 (L)	4	5	6	7
10	11	12	13	14
17 (L)	18	19	20	21
24	25	26	27	28

Tháng 12 2025				
Thứ hai	Thứ ba	Thứ Tư	Thứ năm	Thứ sáu
1 (L)	2	3	4	5
8 (L)	9	10	11	12
15 (L)	16	17	18	19
22	23	24	25	26
29	30	31		

Tháng Một 2026				
Thứ hai	Thứ ba	Thứ Tư	Thứ năm	Thứ sáu
			1	2
5	6	7	8	9
12 (L)	13	14	15	16
19	20	21	22	23
26	27 ✓	28	29	30

Tháng hai 2026				
Thứ hai	Thứ ba	Thứ Tư	Thứ năm	Thứ sáu
2 (L)	3	4	5	6
9 (L)	10	11	12	13
16	17	18	19	20
23	24	25	26	27

Tháng ba 2026				
Thứ hai	Thứ ba	Thứ Tư	Thứ năm	Thứ sáu
2 (L)	3	4	5	6
9 (L)	10	11	12	13
16 (L)	17	18	19	20
23	24	25	26	27
30 (L)	31			

Tháng tư 2026				
Thứ hai	Thứ ba	Thứ Tư	Thứ năm	Thứ sáu
		1	2	3
6 (L)	7	8	9	10
13	14	15	16	17
20 (L)	21	22	23	24
27 (L)	28	29	30	

Tháng năm 2026				
Thứ hai	Thứ ba	Thứ Tư	Thứ năm	Thứ sáu
				1
4 (L)	5	6	7	8
11	12	13	14	15
18 (L)	19	20	21	22
25	26	27	28	29

Tháng sáu 2026				
Thứ hai	Thứ ba	Thứ Tư	Thứ năm	Thứ sáu
1 (L)	2	3	4	5
8 (L)	9	10	11	12
15	16	17	18	19
22	23	24	25	26
29	30			

Thông tin trường học

1698 SW Cherry Park Rd, Troutdale, OR 97060
(503) 667-3186

School Hours:
8:45a to 3:45p
(9:55a Thứ Hai Bắt Đầu Muộn)

Chìa khóa lịch

	Ngày đầu tiên và ngày cuối cùng của năm học (Đầu tiên cho lớp 9 = 9/2; Đầu tiên cho tất cả = 9/3; Ngày cuối cùng cho người cao tuổi = 6/4; cuối cùng cho tất cả = 6/12)			
	Không có trường học (9/15; 10/10; 10/13; 11/10; 11/11; 11/24-28; 12/22-1/2; 1/19; 1/26; 2/16; 2/23; 3/19-27; 4/10; 4/13; 5/11; 5/25)			
	Hội nghị, Không có trường học (11/25-26)	(L)	bắt đầu muộn	
✓	Học kỳ mới (1/27)		1/2 ngày / chung kết	